

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học

Chuyên ngành: Hồi sức cấp cứu và Chống độc

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐẶNG THỊ XUÂN**

2. Ngày tháng năm sinh: 17/02/1966; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: *Xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.*

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 6 dãy 7, TT Cục Đối Ngoại Bộ Quốc Phòng,
Tổ 14B phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.*

6. Địa chỉ liên hệ:

Đặng Thị Xuân

Số 6, ngõ 14, phố Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: (024)38355927; Điện thoại di động: 0912 260 366

Địa chỉ E-mail: xuandangthi@bachmai.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 1983 - 1989: Sinh viên hệ chính quy chuyên khoa Nhi

(1983 - 1987: Trường Đại học Y Bắc Thái; 1987 – 1989: Trường Đại Học Y Hà Nội)

Từ 1990 - 4/1995: Bác sỹ khoa Nhi, khoa Hồi sức cấp cứu bệnh viện Điện Biên

Học chuyên khoa sơ bộ Hồi sức cấp cứu và chuyên khoa sơ bộ Tim Mạch.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Học chuyên khoa I Hồi sức cấp cứu, Trường Đại học Y Hà Nội.

Từ 5/1995 - 11/1998: Bác sỹ khoa Hồi sức cấp cứu A9, Bệnh viện Bạch Mai

Từ 12/1998 - nay: Bác sỹ khoa/Trung tâm Chống Độc, Bệnh viện Bạch Mai.

1998- 2002 : Học chuyên khoa II Hồi sức cấp cứu, Trường Đại học Y Hà Nội.

12/2003-5/2004: Học chuyên ngành Chống độc tại Rocky Mountain Poison &
Drug Center, Colorado, Mỹ.

2005-2009: Học cử nhân ngoại ngữ (tiếng Anh) tại Đại học Hà Nội

2009: Học lớp hồi sức cơ bản của Mỹ

2010–2017: Nghiên cứu sinh Hồi sức Gây mê, Viện Nghiên cứu khoa học Y
dược lâm sàng 108.

Từ 2016-nay: Giảng viên thỉnh giảng, Bộ môn Hồi sức cấp cứu, Trường Đại học Y Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Bác sĩ điều trị

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Giám đốc Trung tâm Chống Độc, Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội

Cơ quan công tác hiện nay: Trung tâm Chống Độc, Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 78, đường Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 8424 3869 3731 Fax: 8424 3869 1607

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Y Hà Nội

8. Đã nghỉ hưu từ tháng 7 năm 2021

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 02 tháng 04 năm 1993, số văn bằng: A46275 ngành: Y học, chuyên ngành: chuyên khoa Nhi; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Bắc Thái, Việt Nam.
- Được cấp bằng Bác sỹ chuyên khoa I ngày 29 tháng 9 năm 1996, số văn bằng: 1849/SĐH.CKI.TC, ngành:Y học, chuyên ngành: Hồi sức cấp cứu; Nơi cấp bằng: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng Bác sỹ chuyên khoa II ngày 06 tháng 11 năm 2002, số văn bằng A00428 ngành:Y học, chuyên ngành: Hồi sức cấp cứu; Nơi cấp bằng: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng TS ngày 21 tháng 8 năm 2017, số văn bằng: 007553 ngành: Y học, chuyên ngành: Hồi sức Gây mê; Nơi cấp bằng TS: Viện Nghiên cứu Khoa học Y dược lâm sàng 108, Hà Nội, Việt Nam

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Được cấp bằng TSKH ngày.....tháng.....năm....., ngành:....., chuyên ngành:.....;
Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày..... tháng..... năm.....,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu về tổn thương thận cấp ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và ngộ độc.

- Nghiên cứu về ngộ độc cấp thường gặp và gây biến chứng nặng

(hóa chất bảo vệ thực vật, rượu và ma túy, rắn độc cắn, đánh giá và xử trí các biến chứng)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn chính: 06 HVCH/BSCCK2 bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2

Đã hướng dẫn 2: 02 HVCH/NT bảo vệ thành công luận văn ThS

- Đang hướng dẫn chính: 01 HVCH làm luận văn ThS, hướng dẫn 2: 02 HVCH/NT đang làm luận văn ThS.

- Đã chủ trì 13 đề tài NCKH cấp cơ sở nghiệm thu mức Đạt và Xuất sắc; tham gia 01 đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu mức Đạt.

- Đã công bố (số lượng) 55 bài báo khoa học, trong đó 03 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 16 quyển sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Danh hiệu Thầy thuốc ưu tú của Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam: 2014.

Kỷ niệm chương Vì sức khỏe Nhân dân: 2016.

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế: 2010, 2011, 2016, 2018

Bằng khen của Ban chấp hành Công đoàn Y tế Việt Nam: 2010, 2021.

Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang: 2013; Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên: 2021

Chiến sĩ thi đua cấp Bộ năm 2016

Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 14 năm

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, thời hạn hiệu lực từ... đến):

Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa, tha thiết yêu nghề, hết lòng thương yêu chăm sóc người bệnh, nhiệt tình hướng dẫn học viên và sinh viên.
- Là một bác sỹ có tinh thần trách nhiệm cao, giảng dạy mẫu mực, hết lòng vì công việc vì sự phát triển bền vững của chuyên ngành Hồi sức cấp cứu và Chống độc, Trường Đại học Y Hà Nội và Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội.
- Phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị
- Quan hệ với đồng nghiệp tốt, với học viên đúng mực. Luôn chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức cho học viên và đồng nghiệp.
- Chấp hành đầy đủ và đúng mọi nội quy, quy định trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Bệnh viện và Nhà trường.
- Có đầy đủ giáo trình, giáo án, chuẩn bị bài đầy đủ khi lên lớp. Lên lớp đúng giờ.
- Giảng dạy có chất lượng tốt, đạt hiệu quả rõ rệt. Kết hợp tốt giữa giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ bệnh nhân.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng đơn vị, Nhà trường và Bệnh viện.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 06 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức |
|-----------------------|-----------|---------------------------|-----|--|---|---|-------|---|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SDH | |
| 1 | 2016-2017 | 0 | 0 | | | 0 | 183 | 183/183/170 |
| 2 | 2017-2018 | 0 | 0 | | | 0 | 267 | 267/267/170 |
| 3 | 2018-2019 | 0 | 0 | | | 0 | 238 | 238/238/135 |
| 3 năm học cuối | | | | | | | | |
| 4 | 2019-2020 | 0 | 0 | 01-CK2 (chính) 01-CH26 (phụ) | | 0 | 245,1 | 220,1/245,1/135 |
| 5 | 2020-2021 | 0 | 0 | 03-CH27 (chính) 01-NT42 (phụ) | | 0 | 249,4 | 194,4/249,4/135 |
| 6 | 2021-2022 | | | 01-CK2 (chính) 01-CH28 (chính) Đang HD: 01 chính, 02 phụ | | 0 | 241 | 141/241/135 |

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: Việt Nam

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước :

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Hà Nội

Số hiệu bằng: A191031 năm cấp:2009

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân ngoại ngữ số bằng: A191031 năm cấp 2009; Nơi cấp: Trường ĐH Hà Nội.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng | | Trách nhiệm hướng dẫn | | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|------------------------------------|------------------|---|
| | | NCS | HVCH/CK2/BSNT | Chính | Phụ | | | |
| 1 | Tạ Huy Kiên | | x | x | | 2018-2019 | Đại học Y Hà Nội | 2019 |
| 2 | Lại Xuân Dũng | | x | | x | 2018-2019 | Đại học Y Hà Nội | 2019 |
| 3 | Nguyễn Minh Quyết | | x | x | | 2019-2020 | Đại học Y Hà Nội | 2021 |
| 4 | Trương Anh Minh | | x | x | | 2019-2020 | Đại học Y Hà Nội | 2021 |
| 5 | Phạm Văn Công | | x | x | | 2019-2020 | Đại học Y Hà Nội | 2021 |
| 6 | Nguyễn Việt Thắng | | x | | x | 2018-2020 | Đại học Y Hà Nội | 2021 |
| 7 | Lưu Văn Hậu | | x | x | | 2020-2021 | Đại học Y Hà Nội | 2022 |
| 8 | Bùi Hồng Giang | | x | x | | 2020-2021 | Đại học Y Hà Nội | 2022 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | | |
|----|----------------------|--|---|---|---|-----------|------------------|---------|
| 9 | Đỗ Khánh Toàn | | x | x | | 2021-2022 | Đại học Y Hà Nội | Chưa BV |
| 10 | Nguyễn Thị Ngọc | | x | | x | 2021-2022 | Đại học Y Hà Nội | Chưa BV |
| 11 | Hoàng Quốc Thái Bình | | x | | x | 2021-2022 | Đại học Y Hà Nội | Chưa BV |

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Viết MM hoặc CB, phần biên soạn | Xác nhận của cs GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|---------------------------------|---|----------------------------|-------------------------------------|------------|--|---|
| Trước khi bảo vệ Tiến sĩ | | | | | | |
| 1 | Hướng dẫn điều trị tập I, Bộ Y tế | HD | Nhà xuất bản Y học, 2005 | 17 | Tham gia biên soạn trong phần chống độc tr. 92-159 | Quyết định số 2394/QĐ-ĐHYHN ngày 03/7/2013 |
| 2 | Cấp cứu ngộ độc cấp tại tuyến Y tế cơ sở | HD | Bộ Y tế 2007 | 10 | Tham gia biên soạn, tr.21-22; 49-51; 57-58 | Quyết định số 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26/10/2017 |
| 3 | Cấp cứu ngộ độc cấp thường gặp ở trẻ em | HD | Nhà Xuất bản Thông tấn, Hà Nội 2007 | 9 | Tham gia biên soạn, từ tr. 47-50;74-78; 88-92 | Quyết định số 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26/10/2017 |
| 4 | Hướng dẫn xử trí và phòng tránh ngộ độc cấp cho trẻ em (Tài liệu dành cho cán bộ Y tế) | HD | Nhà Xuất bản Thông tấn, Hà Nội 2007 | 2 | Tham gia biên soạn từ tr. 33-38 | |
| 5 | Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị Bệnh Nội Khoa (Cẩm nang nghiệp vụ của bác sĩ lâm sàng). | HD | Nhà Xuất bản Y học 2011 | 139 | Tham gia biên soạn (trong chương 3: 153-209) | |
| 6 | Cẩm nang Truyền thông các bệnh thường gặp | HD | Nhà xuất bản Y học 2012 | 147 | Tham gia biên soạn (trong chương II: 86-136) | Quyết định số 3390/QĐ-ĐHYHN ngày 25/9/2014 |
| 7 | Một số cấp cứu thường gặp tại tuyến y tế cơ sở | HD | Nhà xuất bản Y học 2016 | 13 | Tham gia biên soạn, từ tr 130-144; 151-162 | Quyết định số 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26/10/2017 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | |
|-------------------------------|---|----|------------------------------|----|--|---|
| 8 | Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí ngộ độc | HD | Nhà Xuất bản Y học 2016 | 17 | Tham gia biên soạn, tr 49-75; 132-137 | Quyết định số 4411/QĐ-BYT về tiểu ban biên soạn |
| 9 | Chống độc chuyên sâu | GT | Nhà xuất bản Y học, 2011 | 5 | Tham gia biên soạn, từ tr.55-76 | |
| 10 | Chống độc cơ bản | GT | Nhà Xuất bản Y học 2012 | 6 | Tham gia biên soạn từ tr.71-76; 94-104 | |
| 11 | Chống độc nâng cao | GT | Nhà Xuất bản Y học 2013 | 14 | Tham gia biên soạn, từ tr 1-8; 68-75 | |
| 12 | Cẩm nang cấp cứu | TK | Nhà xuất bản Y học, năm 2015 | 38 | Tham gia biên soạn từ tr.469-477 | Quyết định số 1428/QĐ-ĐHYHN ngày 23/5/2016 |
| Sau khi bảo vệ Tiến sĩ | | | | | | |
| 13 | Hướng dẫn dự phòng loét tiêu hóa do stress ở bệnh nhân nặng | HD | Nhà Xuất bản Y học 2020 | 9 | Tham gia biên soạn | ISBN: 978-604-66-4593-1 |
| 14 | Hồi sức cấp cứu toàn tập | GT | Nhà xuất bản Y học 2019 | 38 | Tham gia biên soạn, tr: 641- 647 | ISBN: 978-604-66-3756-1 |
| 15 | Cấp cứu ngộ độc do sinh vật biển ở Việt Nam | TK | Nhà Xuất bản Y học 2020 | 13 | Đồng chủ biên | ISBN: 978-604-66-4594-8 |
| 16 | Tổn thương thận cấp ở bệnh nhân hồi sức | TK | Nhà Xuất bản Y học 2020 | 1 | Chủ biên | Quyết định số 2150/QĐ-ĐHYHN ngày 01/7/2021 |

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| T T | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/P CN/ TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|---|---|-------------------|-----------------------------------|-------------------------|--|
| Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ | | | | | |
| 1. | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của ngộ độc paraquat tại Trung tâm Chống độc, bệnh viện Bạch Mai | CN | Đề tài 107 Bệnh viện | 2008- 2010 | 08/06/2010 Đạt |
| 2. | Đánh giá tình trạng suy thận cấp ở bệnh nhân ngộ độc paraquat theo phân độ RIFLE. | CN | BM-2011- 26 Bệnh viện | 6/2011- 6/2012 | 14/01/2013 Đạt |
| 3. | Đánh giá hiệu quả lọc huyết tương ở bệnh nhân tổn thương gan nặng | CN | BM-2010- 123 Bệnh viện | 6/2010- 6/2011 | 14/10/2014 Xuất sắc |
| 4. | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên nhân thường gặp gây toan chuyển hóa do ngộ độc cấp | CN | BM-2015- 177 Bệnh viện | 9/2015- 9/2016 | 24/01/2019 Xuất sắc |
| 5. | Nghiên cứu vai trò của các yếu tố nguy cơ với tổn thương thận cấp ở bệnh nhân hồi sức | CN | BM-2015- 679-184 Bệnh viện | 10/2016 - 10/2017 | 24/01/2019 Xuất sắc |
| 6. | Nghiên cứu hiệu quả và tác dụng không mong muốn của phác đồ truyền tĩnh mạch acetylcystein trong điều trị ngộ độc cấp paracetamol | CN | BM-2015- 680-185 Bệnh viện | 10/2016 - 10/2017 | 24/01/2019 Xuất sắc |
| 7. | Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật lọc máu ngoài cơ thể trong điều trị ngộ độc nặng. | Tham gia | Đề tài cấp Bộ | 2007- 2010 | 11/05/2012 Đạt |
| Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ | | | | | |
| 8. | Nghiên cứu tình trạng tổn thương thận cấp ở bệnh nhân hồi sức có nhiễm khuẩn nặng | CN | BM-2017- 930-181 Bệnh viện | 12/2017- 12/2018 | 24/01/2019 Xuất sắc |
| 9. | Nghiên cứu tổn thương thần kinh trong ngộ độc cấp Methanol | CN | BM-2018- 1108-167 Bệnh viện | 2018- 2019 | 16/3/2020 Khá |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | |
|-----|--|----|-------------------------------|-----------|------------------------|
| 10. | Nghiên cứu triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh nhân ngộ độc N ₂ O | CN | BM-2018-1124-169 Bệnh viện | 2018-2019 | 16/13/2020 Khá |
| 11. | Nghiên cứu hiệu quả phác đồ phối hợp Diazepam và Phenobarbital trong điều trị hội chứng cai rượu nặng | CN | BM-2018-1123-168 Bệnh viện | 2018-2019 | 16/13/2020 Xuất sắc |
| 12. | Nghiên cứu nguyên nhân, đặc điểm và diễn biến của tăng áp lực thẩm thấu do ngộ độc cấp | CN | BM_2020_1593 Bệnh viện | 2020-2021 | 21/1/2021 Xuất sắc |
| 13. | Nghiên cứu đặc điểm, tiến triển và nguyên nhân tổn thương thận cấp ở bệnh nhân ngộ độc | CN | BM_2020_1594 Bệnh viện | 2020-2021 | 21/1/2021 Xuất sắc |
| 14. | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, nguyên nhân gây toan lactic thường gặp ở bệnh nhân ngộ độc cấp | CN | BM_2020_1595 Bệnh viện | 2020-2021 | 21/1/2021 Xuất sắc |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| T T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|---|---|------------|------------------|---|---|--|----------------|--------------------|
| Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ | | | | | | | | |
| 1 | Nhận xét đặc điểm lâm sàng và điều trị ngộ độc thuốc diệt chuột nhập lậu từ Trung Quốc | 1 | x | Tạp chí nghiên cứu Y học | | | 19/3; 6-14 | 2002 |
| 2 | Ngộ độc hoá chất diệt cỏ Paraquat | 2 | x | Tạp chí Y học lâm sàng | | | 4; 128-133 | 2007 |
| 3 | Nhận xét đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng suy thận cấp ở bệnh nhân nhiễm khuẩn nặng, sốc nhiễm khuẩn tại khoa Điều trị tích cực bệnh viện Bạch Mai | 3 | | Tạp chí Y học lâm sàng | | | 49; 52-61 | 2010 |

| | | | | | | | | |
|----|---|----|---|---------------------------------|--|----------|------------------|------|
| 4 | Đánh giá điều trị và tiên lượng suy thận cấp ở bệnh nhân nhiễm khuẩn nặng, sốc nhiễm khuẩn | 3 | x | Tạp chí Y học lâm sàng | | | 51; 23-30 | 2010 |
| 5 | Đánh giá hiệu quả của thay huyết tương (PEX) trong điều trị suy gan cấp ở bệnh nhân viêm gan nhiễm độc | 2 | x | Tạp chí Y dược học lâm sàng 108 | | | 6; 17-25 | 2011 |
| 6 | Đánh giá tình trạng suy thận cấp ở bệnh nhân ngộ độc paraquat theo phân độ RIFLE | 1 | x | Tạp chí Y học lâm sàng | | | 72; 145-154 | 2013 |
| 7 | Bước đầu đánh giá hiệu quả kỹ thuật tim phổi nhân tạo tại giường để điều trị sốc tim nặng | 14 | | Tạp chí Y học lâm sàng | | | 1/92; 24-30 | 2016 |
| 8 | Đặc điểm suy thận cấp theo phân độ RIFLE ở bệnh nhân viêm tụy cấp | 3 | x | Tạp chí Y học lâm sàng | | | 2/92; 241-249 | 2016 |
| 9 | Đánh giá mức độ và tiên triển suy thận cấp ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu theo phân độ RIFLE | 3 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 441; 51-57 | 2016 |
| 10 | Nghiên cứu các yếu tố nguy cơ suy thận cấp ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu | 2 | x | Tạp chí Y học lâm sàng | | | 96; 115-125 | 2016 |
| 11 | Đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân bị rắn lục cắn | 2 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 438; 86-90 | 2016 |
| 12 | Đánh giá một số biến đổi cận lâm sàng chính ở bệnh nhân ngộ độc Amitryptilin tại Trung tâm chống độc bệnh viện Bạch Mai | 2 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 440; 107-111 | 2016 |
| 13 | Immunosuppressive Therapy for patients with Paraquat poisoning in Vietnam, North American Congress of Clinical Toxicology, San Antonio – Texas 2009 | 6 | | Clinical Toxicology | | abstract | 47(7); 704 | 2009 |

| Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ | | | | | | | | |
|---|--|---|---|--|----|-----------|---|------|
| Công trình khoa học đăng trên tạp chí quốc tế | | | | | | | | |
| 14 | Coagulopathy after Viper snakebite in Vietnam and relationship with time of admission | 4 | x | Journal of Multidisciplinary Healthcare | Q1 | IF: 2.404 | 14; 1259–1265 doi.org/10.2147/JMDH.S311556 | 2021 |
| 15 | Nitrous oxide induced neuropathy among recreational users in Vietnam | 4 | x | International Journal Environment Research Public Health | Q1 | IF: 3.390 | 18(12):6230. doi: 10.3390/ijerph18126230 | 2021 |
| 16 | Correlations between rotational thromboelastometry (ROTEM) and standard coagulation tests following viper snakebites | 4 | x | Journal International Medical Research | Q3 | IF: 1.671 | 50(1) 1–10 doi: 10.1177/03000605211067321. | 2022 |
| Công trình khoa học đăng trên tạp chí trong nước | | | | | | | | |
| 17 | Đánh giá hiệu quả lâm sàng phối hợp diazepam và phenobarbital trong điều trị hội chứng cai rượu | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 471; 129-132 | 2018 |
| 18 | Giá trị dự báo tử vong của bảng điểm APACHE II, SOFA, và PSS ở bệnh nhân ngộ độc cấp Methanol | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 483; 172-175 | 2019 |
| 19 | Đặc điểm dinh dưỡng của bệnh nhân thở máy tại Trung tâm Chống độc bệnh viện Bạch Mai | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 483; 209-212 | 2019 |
| 20 | Đặc điểm lâm sàng và xét nghiệm của bệnh nhân bị rắn sài cỏ đỏ cắn | 4 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 496; 236-240 | 2020 |
| 21 | Đặc điểm và diễn biến của tăng áp lực thẩm thấu huyết tương ở bệnh nhân ngộ độc cấp | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 496; 262-265 | 2020 |
| 22 | Nguyên nhân gây toan lactic ở bệnh nhân ngộ độc cấp | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 496; 296-300 | 2020 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|---|--|-----|------------------------------------|------|
| 23 | Đặc điểm tổn thương thận cấp ở bệnh nhân ngộ độc cấp | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 497; 236-244 | 2020 |
| 24 | Clinical characteristics and treatment of acute poisoning in older patients at Vietnam Poison Control Center | 4 | | Tạp chí Nghiên cứu Y học | | | 136 (12) - 2020: 80-85 | 2020 |
| 25 | Characteristics of elderly with acute poisoning at Vietnam Poison Control Center | 4 | | Journal of 108 - Clinical Medicine and Pharmacy | | | Vol.15- Dec./ 2020: 22-26 | 2020 |
| 26 | Đánh giá nguy cơ tử vong ở bệnh nhân nhiễm khuẩn nặng có tổn thương thận cấp | 1 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 499(1&2); 148-153 | 2021 |
| 27 | Nhận xét các biện pháp điều trị ngộ độc cấp methanol tại trung tâm Chống độc bệnh viện Bạch Mai | 2 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 500(1); 186-190 | 2021 |
| 28 | Chăm sóc người bệnh ngộ độc cấp có thở máy tại Trung tâm Chống độc bệnh viện Bạch Mai năm 2020 | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 500 (2); 209-214 | 2021 |
| 29 | Tác nhân ngộ độc và các mối liên quan ở bệnh nhân ngộ độc cấp có tổn thương thận | 1 | x | Tạp chí Nghiên cứu Y học | | | 140 (4) - 2021: 119-126 | 2021 |
| 30 | Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân tăng áp lực thẩm thấu do ngộ độc cấp | 1 | x | Tạp chí Nghiên cứu Y học | | | 140 (4) - 2021: 127-134 | 2021 |
| 31 | Tỷ lệ hội chứng dễ bị tổn thương trên bệnh nhân cao tuổi tại khoa Cấp cứu bệnh viện Lão khoa trung ương | 4 | | Tạp chí Nghiên cứu Y học | | | 140 (4) - 2021: 163-170 | 2021 |
| 32 | Prevalence of constipation among older people at National Geriatric Hospital | 4 | | Tạp chí Y dược học Quân sự | | 103 | 46; 4/2021; 195-202 | 2021 |

| | | | | | | | |
|----|---|---|---|----------------------------|-----|---------------------------|------|
| 33 | Related factors with cognitive impairment in elderly post-stroke patients at the National Geriatric Hospital | 3 | | Tạp chí Y dược học Quân sự | 103 | 46; 4/2021: 188-194 | 2021 |
| 34 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân ngộ độc cấp có toan lactic | 2 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | 501 (1); 234-239 | 2021 |
| 35 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng hội chứng cai rượu nặng điều trị tại trung tâm Chống độc bệnh viện Bạch Mai | 2 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | 501 (1); 168-173 | 2021 |
| 36 | Giá trị của thang điểm Hacor để dự đoán kết quả của thở máy không xâm nhập trên bệnh nhân đợt cấp COPD | 4 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | 501 (2); 119-124 | 2021 |
| 37 | Đặc điểm dịch tễ và các tác nhân gây ngộ độc cấp ở trẻ em tại Trung tâm chống độc bệnh viện Bạch Mai | 2 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | 501 (2); 207-211 | 2021 |
| 38 | Điều trị bệnh nhân ngộ độc một số ma túy tại Trung tâm Chống độc Bệnh viện Bạch Mai | 2 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | 501 (2); 156-160 | 2021 |
| 39 | Đặc điểm lâm sàng và điều trị ngộ độc cấp ở trẻ em tại Trung tâm Chống độc, bệnh viện Bạch Mai | 2 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | 502 (1); 94-98 | 2021 |
| 40 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ngộ độc một số ma túy tại Trung tâm Chống độc Bệnh viện Bạch Mai | 2 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | 502 (1); 174-180 | 2021 |
| 41 | Đặc điểm các vùng phổi theo thang điểm siêu âm phổi ở bệnh nhân suy hô hấp cấp tiến triển được thông khí xâm nhập | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | 502 (1); 264-269 | 2021 |
| 42 | Yếu tố tiên lượng thành công của phương thức AVAPS ở bệnh nhân đợt | 3 | | Tạp chí Y học Việt | | 502 (1); 239-243 | 2021 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|--|--|-----|---------------------------|------|
| | cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) được thông khí nhân tạo không xâm nhập | | | Nam | | | | |
| 43 | Nghiên cứu yếu tố tiên lượng tử vong ở bệnh nhân ngộ độc cấp methanol | 2 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 502 (2); 69-75 | 2021 |
| 44 | Đặc điểm dịch tễ của ngộ độc cấp ma túy tại Trung tâm chống độc bệnh viện Bạch Mai | 2 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 502 (2); 130-134 | 2021 |
| 45 | Frequency and the suitability of the antidote treatment in acute poisoning at Bachmai hospital | 2 | x | Tạp chí Y dược học Quân sự | | 103 | 46; 5/2021: 155-163 | 2021 |
| 46 | Factors associated with constipation in older patients at National Geriatric Hospital | 4 | | Vietnam Journal of Preventive Medicine | | | 31(4), 2021; 79-84 | 2021 |
| 47 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân ngộ độc cần sa, cần sa tổng hợp tại Trung tâm Chống độc bệnh viện Bạch Mai | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 508 (2); 103-107 | 2021 |
| 48 | Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân ngộ độc cấp một số thuốc an thần kinh thường gặp | 2 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 508 (2); 148-151 | 2021 |
| 49 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và diễn biến tổn thương thận cấp ở bệnh nhân ngộ độc cấp methanol | 2 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 508 (2); 222-225 | 2021 |
| 50 | Đặc điểm lâm sàng của hội chứng sảng cấp dạng động ở bệnh nhân ngộ độc cấp | 4 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 508 (2); 302-305 | 2021 |
| 51 | Đặc điểm lâm sàng và nồng độ độc chất huyết thanh của bệnh nhân ngộ độc cấp hóa chất diệt chuột Bromadiolon và Flocoumafen | 4 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | | 509 (1); 315-318 | 2021 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | |
|----|---|---|---|------------------------|--|---------------------|------|
| 52 | Nghiên cứu đặc điểm tổn thương thận cấp ở bệnh nhân nhiễm khuẩn nặng | 2 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | 514 (1); 321-326 | 2022 |
| 53 | Nghiên cứu tăng áp lực thẩm thấu ở bệnh nhân ngộ độc rượu ethanol và methanol | 2 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | 514 (2); 43-48 | 2022 |
| 54 | Toan lactic ở bệnh nhân ngộ độc cấp một số thuốc và hóa chất | 2 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | 514 (2); 159-164 | 2022 |
| 55 | Điều trị rối loạn đông máu ở bệnh nhân ngộ độc cấp hóa chất diệt chuột kháng vitamin K tác dụng kéo dài -bromadiolon và flocoumafen | 2 | x | Tạp chí Y học Việt Nam | | 515 (1); 266-271 | 2022 |

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín và là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **03 bài (số thứ tự 14, 15, 16)**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|---------------------------------|------------|------------------|---|---|----------------|--------------------|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|----|--|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|--|---------------------------|--|----------------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|---|--------------------------------|--|------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT

(UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác
giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác
giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2022
NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Đặng Thị Xuân